

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/KDTM-ST

Ngày 11/6/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuy

2. Bà Phạm Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Mai Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 121/2023/TLST- KDTM ngày 02/11/2023 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2024/QĐXX-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính Cổ phần Đ(EVNFinance).

Trụ sở: Tầng 14, 15 và 16 tháp B, tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Danh Hiền – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Tuấn Hưng – Giám đốc xử lý nợ

(Giấy ủy quyền số 76/UQ-TCĐL ngày 21/7/2023).

Đại diện theo ủy quyền lại:

Bà Phạm Thị Thùy; Ông Trần Tuấn Dũng; Bà Đặng Thị Lan Phương; Bà Lê Xuân Hoa.

(Giấy ủy quyền số 210/UQ-TCĐL ngày 19/10/2023).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N.

Trụ sở: Tầng 5M, Tòa nhà Hei Tower, số 1 phố Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đào Lưu Hương- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Thạch Quang Thuật - Công ty Luật TNHH Lê Gia Việt.

(Văn bản ủy quyền số 0612/2023/UQ/LEGIAVIET-YEGA ngày 06/12/2023 và Quyết định 0712/QĐ/LEGIAVIET ngày 07/12/2023).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Văn Quý - Công ty Luật TNHH Lê Gia Việt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn là Công ty Tài Chính cổ phần Đvà các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Công ty Tài Chính cổ phần Đtrình bày:

Ngày 27/7/2015 Công ty Tài Chính cổ phần Đ(EVNFinance) và Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 17/2015/HĐTD-TH-DN/TCĐL ngày 27/07/2015, tại điều 10.1 của Hợp đồng trên quy định việc Giải quyết tranh chấp như sau “.... Trong trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nơi có Trụ sở chính của Bên A”, do đó khi có tranh chấp về Hợp đồng tín dụng EVNFinance đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

EVNFinance cấp tín dụng cho Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N theo Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 17/2015/HĐTD-TH-DN/TCĐL ngày 27/07/2015 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), chi tiết như sau:

Số tiền giải ngân: 23.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu.

Thời gian ân hạn nợ gốc và lãi là: 18 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.

Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán các chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đồ gỗ N tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Lãi suất cho vay trong hạn:

Lãi suất cho vay lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau bình quân tại Sở giao dịch của 4 ngân hàng: Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trên địa bàn Hà Nội trước thời điểm 15.00 giờ của ngày xác định lãi suất + biên độ lãi suất 2.5%/năm.

Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi suất lần đầu vào ngày 01 của tháng thứ 3 kế tiếp kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu.

Lãi suất quá hạn: Tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn của Hợp đồng đối với số gốc chậm trả.

Phương thức trả nợ.

Trả nợ gốc: Kỳ trả nợ gốc: 03 (ba) tháng một lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày sau 18 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn (ngày 29/01/2017). Bên vay trả nợ gốc theo 23 kỳ (1 kỳ là 3 tháng) trả nợ liên tiếp kể từ kỳ đầu tiên (kỳ 1), mức trả gốc từng lần bằng tổng tiền vay gốc chia đều cho 23 kỳ trả nợ.

+ Trả nợ lãi: Lãi vay được trả theo kỳ hạn: 03 (ba) tháng/lần theo kỳ trả nợ gốc, vào các từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng trả lãi. Kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2017-30/01/2017.

Theo Hợp đồng tín dụng này, EVNFinance đã giải ngân cho Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N theo các Khế ước nhận nợ cụ thể, trong đó Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N đã thực hiện trả hết nợ gốc và lãi theo cam kết của 09 khế ước (khế ước 01-09). Tạm tính đến hết ngày 10/10/2023 Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N còn nợ EVNFinance các khoản của 10 khế ước (khế ước 10-19) cụ thể như sau:

1. Khế ước nhận nợ số 17-10/2015/DN-KU/TCĐL;

- Số tiền: 3.043.274.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỷ không trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng)
- Hình thức: Chuyển khoản
- Mục đích sử dụng vốn:
 - + Thanh toán tiền cho Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại TBT Việt Nam theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 26/2015/HĐXD/NTHQ-TBT ngày 18/09/2015 về việc Thi công xây dựng, hoàn thiện nhà máy và các hạng mục phụ trợ.
 - + Thanh toán tiền cho Công ty CP Cơ khí Xây dựng Bách Khoa theo hợp đồng thi công xây dựng số 310/2015/HĐXD/NTHQ-XDBK ngày 03/10/2015 về việc: “Cung cấp và lắp đặt hệ thống kết cấu thép tiền chế nhà máy sản xuất nội thất” thuộc dự án “Xây dựng nhà máy nội thất tại Lô CN1 – KCN Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội”.
- Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
- Ngày rút vốn: 08/01/2016 Ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
- Lãi suất cho vay: 8.5%/năm
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
- Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
- Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng
- 2. Khế ước nhận nợ số 17-11/2015/DN-KU/TCĐL;
- Số tiền: 84.450.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám mươi tư triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)
- Hình thức: Chuyển khoản
- Mục đích sử dụng vốn:
 - + Thanh toán tiền (lần 2) theo hợp đồng số 10915/HĐKT/TA-NTHQ ngày 10/09/2015 ký với Công ty CP Phòng cháy chữa cháy Trường An về việc thiết kế và Giám sát hệ thống PCCC công trình Nhà máy sản xuất Nội thất.
 - + Thanh toán tiền (lần 3) theo hợp đồng số 1409/2015/NLM-NTHQ ngày 14/09/2015 ký với Công ty TNHH Năng lượng Mới Thành Công về việc cung cấp, lắp đặt trạm biến áp 250KAV – Nhà máy sản xuất nội thất.
- Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
- Ngày rút vốn: 14/01/2016 Ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
- Lãi suất cho vay: 8.5%/năm
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
- Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
- Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng
- 3. Khế ước nhận nợ số 17-12/2015/DN-KU/TCĐL;
- Số tiền: 159.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu đồng)
- Hình thức: Chuyển khoản
- Mục đích sử dụng vốn: Tạm ứng 30% tiền cung cấp, lắp đặt hệ thống cấp điện, cấp thoát nước theo hợp đồng số 0601/2016/HĐTC/NTHQ-TC – Dự án Nhà máy sản xuất Nội thất.
- Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
- Ngày rút vốn: 15/01/2016 Ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
- Lãi suất cho vay: 8.5%/năm

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
- Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
- Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng
- 4. Khế ước nhận nợ số 17-13/2015/DN-KU/TCĐL;
- Số tiền: 1.106.684.400 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ một trăm linh sáu triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm đồng)
- Hình thức: Chuyển khoản
- Mục đích sử dụng vốn:
 - + Thanh toán tiền lần 3 cho Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại TBT Việt Nam theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 26/2015/HĐXD/NTHQ-TBT ngày 18/09/2015 về việc Thi công xây dựng, hoàn thiện nhà máy và các hạng mục phụ trợ.
 - + Thanh toán tiền tạm ứng lần 2 theo Hợp đồng kinh tế số 091215/HĐKT/TA-NTHQ ngày 09/12/2015 Vv Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy ký giữa Công ty CP Thiết kế Sản xuất N và Công ty CP Thiết bị và Kỹ thuật Trường An thuộc dự án “Xây dựng nhà máy nội thất tại Lô CN1 – KCN Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội”.
- Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
- Ngày rút vốn: 03/02/2016 Ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
- Lãi suất cho vay: 8.5%/năm
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
- Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
- Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng
- 5. Khế ước nhận nợ số 17-14/2015/DN-KU/TCĐL;
- Số tiền: 1.140.366.830 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ một trăm bốn mươi triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng)
- Hình thức: Chuyển khoản
- Mục đích sử dụng vốn:
 - + Thanh toán tiền lần 3 cho Công ty CP Cơ khí Xây dựng Bách Khoa theo hợp đồng thi công xây dựng số 310/2015/HĐXD/NTHQ-XDBK ngày 03/10/2015 về việc: “Cung cấp và lắp đặt hệ thống kết cấu thép tiền chế nhà máy sản xuất nội thất” thuộc dự án “Xây dựng nhà máy nội thất tại Lô CN1 – KCN Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội”.
 - + Thanh toán lần 2 tiền lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán theo hợp đồng số 2015-0708/HĐKT-TK/PACE ngày 13/07/2015, Công trình: Xây dựng nhà xưởng sản xuất đồ gỗ N tại Lô A Khu công nghiệp Phú Nghĩa huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội.
 - + Thanh toán tiền lần 2 cho Công ty TNHH Năng Lượng Mới Thành Công theo hợp đồng số 0601/2016/HĐTC/NTHQ-TC ngày 05/01/2016 về việc cung cấp, lắp đặt hệ thống cấp điện, cấp thoát nước dự án Nhà máy sản xuất Nội Thất.
- Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
- Ngày rút vốn: 03/02/2016 Ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
- Lãi suất cho vay: 8.5%/năm

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
 - Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
 - Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng
6. Khế ước nhận nợ số 17-15/2015/DN-KU/TCĐL;
- Số tiền: 2.379.300.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).
 - Hình thức: Chuyển khoản
 - Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền lần 2 theo hợp đồng số 236/2015/HĐCN/PMG-YEGA ngày 11/07/2015 (Kèm theo công văn số 4/2016/CV-Yega ngày 01/03/2016 của Công ty CP Thiết kế Sản xuất N và công văn số 209/2016/GM-PMG ngày 12/03/2016 của Công ty CP tập đoàn Phú Mỹ) vv chuyển nhượng hạ tầng tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cho Công ty CP Tập Đoàn Phú Mỹ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất đồ gỗ N tại Lô A Khu công nghiệp Phú Nghĩa huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội.
 - Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
 - Ngày rút vốn: 21/03/2016 Ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
 - Lãi suất cho vay: 8.53%/năm
 - Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
 - Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
 - Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng
7. Khế ước nhận nợ số 17-16/2015/DN-KU/TCĐL;
- Số tiền: 1.510.842.200 VNĐ (Một tỷ năm trăm mười triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng)
 - Hình thức: Chuyển khoản
 - Mục đích sử dụng vốn:
 - + Thanh toán tiền lần 4 cho Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương Mại TBT Việt Nam theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 26/2015/HĐXD/NTHQ-TBT ngày 18/09/2015 về việc Thi công xây dựng, hoàn thiện nhà máy và các hạng mục phụ trợ.
 - + Thanh toán tiền đợt 1 (giải ngân lần 3) theo Hợp đồng kinh tế số 091215/HĐKT/TA-NTHQ ngày 09/12/2015 Vv Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy ký giữa Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N và Công ty CP Thiết bị và Kỹ thuật Trường An thuộc dự án “Xây dựng nhà máy nội thất tại Lô CN1 – KCN Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội”.
 - Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
 - Ngày rút vốn: 20/04/2016 Ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
 - Lãi suất cho vay: 8.53%/năm
 - Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
 - Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
 - Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng
8. Khế ước nhận nợ số 17-17/2015/DN-KU/TCĐL;
- Số tiền: 207.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm linh bảy triệu đồng).
 - Hình thức: Chuyển khoản

- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền tạm ứng cho Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật VNCO theo hợp đồng kinh tế số 2604/2016/HĐKT/VNCO-NTHQ Vv Thi công lắp đặt hệ thống thông gió ký giữa Công ty CP Thiết kế Sản xuất N và Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật VNCO.
 - Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
 - Ngày rút vốn: 11/05/2016 Ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
 - Lãi suất cho vay: 8.53%/năm
 - Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
 - Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
 - Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng
9. Khế ước nhận nợ số 17-18/2015/DN-KU/TCĐL;
- Số tiền: 408.486.578 VNĐ (Bằng chữ: Bốn trăm linh tám triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng).
 - Hình thức: Chuyển khoản
 - Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền 5% giá trị quyết toán cho Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương Mại TBT Việt Nam theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 26/2015/HĐXD/NTHQ-TBT ngày 18/09/2015 về việc Thi công xây dựng, hoàn thiện nhà máy và các hạng mục phụ trợ.
 - Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
 - Ngày rút vốn: 02/06/2016; ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
 - Lãi suất cho vay: 9.15%/năm
 - Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
 - Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
 - Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng
10. Khế ước nhận nợ số 17-19/2015/DN-KU/TCĐL.
- Số tiền: 738.368.045 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi tám triệu ba trăm sáu tám nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).
 - Hình thức: Chuyển khoản
 - Mục đích sử dụng vốn:
 - + Thanh toán tiền lần 3 cho Công ty TNHH Năng Lượng Mới Thành Công theo hợp đồng số 0601/2016/HĐTC/NTHQ-TC ngày 05/01/2016 về việc cung cấp, lắp đặt hệ thống cấp điện, cấp thoát nước dự án Nhà máy sản xuất Nội thất.
 - + Thanh toán tiền lần 3 theo hợp đồng số 236/2015/HĐCN/PMG-YEGA ngày 11/07/2015 vv chuyển nhượng hạ tầng tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cho Công ty CP tập đoàn Phú Mỹ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất đồ gỗ N tại Lô A Khu công nghiệp Phú Nghĩa huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội.
 - Thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng: 84 tháng
 - Ngày rút vốn: 10/06/2016 Ngày đến hạn cuối cùng: 29/07/2022
 - Lãi suất cho vay: 9.15%/năm
 - Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn
 - Phương thức trả gốc, lãi: theo Hợp đồng tín dụng
 - Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/ lần theo Hợp đồng tín dụng

Để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N tại EVNFinance, Công ty Nội thất Hà Quốc đã thế chấp các tài sản sau đây:

1. Toàn bộ dây chuyền sản xuất đồ gỗ nội thất theo hợp đồng kinh tế số 109/2013/HĐKT ngày 10/9/2013 vv Mua bán dây chuyền máy sản xuất đồ gỗ nội thất kỳ giữa Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N và Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long F.

Căn cứ pháp lý:

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 54/2015/HĐTC-TCĐL ngày 27/07/2015.

+ Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/07/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội

2. Tài sản hình thành trong tương lai là: Hạ tầng khu công nghiệp, quyền khai thác lô đất, các quyền và lợi ích khác phát sinh theo hợp đồng số 236/2015/HĐCN/PMG-YEGA ngày 11/07/2015 vv chuyển nhượng hạ tầng tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội và toàn bộ nhà xưởng sản xuất đồ gỗ N, các công trình xây dựng trên đất thuộc một phần Lô đất CN-1 trong Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội.

Căn cứ pháp lý:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 55/2015/HĐTC-TCĐL ngày 27/07/2015.

+ Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/12/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng đối với KUNN từ kế ước 10 – 19, EVNFinance đã giải ngân cho Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N số tiền là 10.777.772.053 đồng.

Theo đó, Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N đã trả được gốc lãi như sau:

Số tiền gốc: 2.777.772.053 đồng;

Số tiền lãi: 4.435.100.402 đồng;

Tổng cộng: 7.212.872.455 đồng.

Ngày 29/07/2022 là ngày đáo hạn cuối cùng của khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng và các KUNN (kế ước 10 – 19) nhưng Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N vẫn không thực hiện trả gốc và lãi cho EVNFinance theo như cam kết. Theo đó, toàn bộ khoản nợ của Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N đã là nợ quá hạn tại EVNFinance. EVNFinance đã nhiều lần đôn đốc, gửi công văn, thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tạo điều kiện nhưng cho đến nay Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho EVNFinance.

Tạm tính đến hết ngày 11/6/2024, Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N còn nợ EVNFinance theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 17/2015/HĐTD-TH-DN/TCĐL ngày 27/07/2015 và Kế ước nhận nợ số 17-10/2015/DN-KU/TCĐL; Kế ước nhận nợ số 17-11/2015/DN-KU/TCĐL; Kế ước nhận nợ số 17-12/2015/DN-KU/TCĐL; Kế ước nhận nợ số 17-13/2015/DN-KU/TCĐL; Kế ước nhận nợ số 17-14/2015/DN-KU/TCĐL; Kế ước nhận nợ số 17-15/2015/DN-KU/TCĐL; Kế ước nhận nợ số 17-16/2015/DN-KU/TCĐL; Kế ước nhận nợ số 17-17/2015/DN-KU/TCĐL; Kế ước nhận nợ số 17-18/2015/DN-KU/TCĐL; Kế ước nhận nợ số 17-19/2015/DN-KU/TCĐL;

Số tiền là 11.550.632.709 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm linh chín đồng).

Trong đó, bao gồm:

- + Dư nợ gốc: 8.000.000.000 đồng.
- + Dư nợ lãi trong hạn: 694.767.472 đồng.
- + Dư nợ lãi quá hạn: 2.855.865.237 đồng.

Về chi phí tố tụng:

Trong quá trình giải quyết tố tụng, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Hà Nội đã ban hành quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 100/2023/QĐ-XXTĐTC ngày 18/12/2023. Nhận thấy tài sản là Dây chuyền sản xuất đồ gỗ nội thất gồm các máy móc thiết bị đa dạng, phức tạp, đồng thời đã để lâu không sử dụng nên có khả năng thay đổi số lượng và hiện trạng và các công trình, hạ tầng xây dựng trên đất lớn, gồm nhiều tổ hợp công trình. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự tham gia trong vụ án, Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã chỉ định Công ty TNHH Giám định Thăng Long Control là công ty thẩm định, giám định tài sản đối với toàn bộ tài sản thế chấp trong vụ án.

Ngày 22/12/2023 Tòa án và Công ty TNHH Giám định Thăng Long Control đã ký hợp đồng giám định số 23N01-1D. Căn cứ hợp đồng dịch vụ giám định, Công ty TNHH Giám định Thăng Long Control đã thực hiện công việc giám định máy móc, đo vẽ đối với các tài sản trên đất là tài sản bảo đảm trong vụ án theo Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Căn cứ Thông báo về việc nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2023 và ngày 23/3/2024 của Tòa án, EVNFinance đã thực hiện tạm ứng 02 lần với tổng số tiền tạm ứng là 171.600.000 đồng.

Nay EVNFinance đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, xem xét và giải quyết buộc:

1. Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N phải trả cho EVNFinance tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 11/6/2024 là 11.550.632.709 đồng.

Trong đó, bao gồm:

- + Dư nợ gốc: 8.000.000.000 đồng.
- + Dư nợ lãi trong hạn: 694.767.472 đồng.
- + Dư nợ lãi quá hạn: 2.855.865.237 đồng.

2. Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N phải tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/6/2024 đến ngày trả dứt nợ theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký.

3. Trường hợp Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì EVNFinance có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ là:

3.1/ Toàn bộ dây chuyền sản xuất đồ gỗ nội thất theo hợp đồng kinh tế số 109/2013/HĐKT ngày 10/09/2013 V/v Mua bán dây chuyền máy sản xuất đồ gỗ nội thất ký giữa Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N và Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long F. Theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 54/2015/HĐTC-TCĐL ngày 27/07/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/07/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Được nêu cụ thể, chi tiết tại Chứng thư giám định về số lượng và tình trạng số: 23N01-1A ngày 17/01/2024 của Công ty TNHH Giám định Thăng Long Control, gồm 37 máy móc thiết bị, cụ thể:

1. Thiết bị đầu vào tự động: 02 bộ

Model: IDHF 2400.

S/N: (*)

2. Máy cắt tự động CNC: 02 bộ

Máy số 1:

Model: SHNR-2501-L.

S/N: 2010NRS03.

Máy số 2:

Model: SHNR-2501R.

S/N: 2010NRS11.

3. Máy nâng đầu vào: 02 bộ

Model: IDL 2400 (W700)

S/N1: (*)

S/N2: (*)

4. Máy đánh đai (02 cạnh) : 01 bộ.

Model: HD-2400D

S/N: 4004

5. Băng chuyền xoay 90° (băng cao su): 02 bộ

Model: (*)

S/N: (*)

6. Máy đánh đai (01 cạnh HD-330B): 02 bộ

Model: HD-330B

S/N1: 2125

S/N2: 2126

7. Máy đánh đai (01 cạnh - HD-330MB): 01 bộ

Model: HD-330MB

S/N: 2127

8. Máy khoan Panel (bên): 02 bộ

Model: HB-2007

S/N: (*)

9. Máy khoan đa năng: 01 bộ

Model: TH-152/5

S/N: WY-1003161

10. Bào soi CNC: 01 bộ

Model: BLITZ-1230AG-VC-G

S/N: 2010PTP01

11. Khoan bàn lễ 04 trục: 01 bộ

Model: HB-4K

S/N: 6000

12. Máy sơn cạnh: 01 bộ

Model: HEM 850

S/N: HEM-850-1

13. Buồng cách bụi (dùng trong xưởng): 01 bộ
Kích thước: 43,5 (m) x 7 (m) x 3,17 (m).
Loại: phòng sạch (Panel chống cháy)
14. Máy cắt ngang: 01 bộ
Model: (*)
S/N (*)
15. Máy cắt Makita LS 1013: 01 máy tại thời điểm thế chấp. (thực tế khi thẩm định không có ở nhà máy Công ty Cổ phần thiết kế sản xuất N)
16. Máy khoan 35 trục: 02 bộ
Model: UJ-35
S/N1: (*)
S/N2: (*)
17. Máy khoan (trục đơn): 01 bộ
Model: RDM -1603BN
S/N: 6004
18. Máy khoan (03 trục): 01 bộ
Model: RDM-1603BN
S/N: 6003
19. Máy khoan cạnh bên: 01 bộ
Model: BD-44
S/N: (*)
20. Máy kẹp Panel (bên): 01 bộ
Model: SH/SPP-1
S/N: 6005
21. Máy nâng đầu vào tự động: 02 bộ
Model: IDSR 2400
S/N: (*)
22. Máy nâng bàn: 01 máy tại thời điểm thế chấp (thực tế khi thẩm định không có ở nhà máy của Công ty Cổ phần thiết kế sản xuất N).
Model: IDL 1800
S/N: (*)
23. Máy bao gói: 01 bộ
Model: (*)
S/N: (*)
24. Xe nâng tay (2,5 tấn): 02 cái
Model: SWP 2500
S/N1: WPBAA0014
S/N2: WPAJK0013
25. Máy nén khí: 02 bộ
Model: GRH3-50A
S/N1: XXQ1132516
S/N2: XXQ1132515
26. Thiết bị hút bụi dùng trong nhà xưởng: 01 bộ
Model: WJ-A450
27. Máy bào rãnh: 03 bộ.

Model: HD-1000

S/N1: 6009

S/N2: 6008

S/N3: 6007

28. Bảng tải vận chuyển hàng: 01 bộ.

29. Giá sấy khô (loại lớn): 20 cái. (thực tế khi thẩm định có 19 cái)

30. Giá sấy khô (loại nhỏ): 20 cái. (thực tế khi thẩm định có 14 cái)

31. Máy bọc PVC: 01 bộ

Model: (trống)

S/N: (trống)

32. Máy hút bụi 15HP: 01 bộ

Model: SF-SF

No:6

(Công suất: 15KW)

33. Máy đánh ráp (hình tam giác): 01 bộ

34. Máy bào soi bằng tay: 01 bộ

35. Cân điện tử 20kg: 01 chiếc tại thời điểm thể chấp (thực tế khi thẩm định không có ở nhà máy của Công ty Cổ phần thiết kế sản xuất N).

36. Máy bắn đinh: 01 cái

37. Máy mài mũi khoan: 01 cái

Model: C-40

S/N: S40109637

3.2/ Tài sản hình thành trong tương lai là Hạ tầng tại khu công nghiệp, quyền khai thác lô đất, các quyền và lợi ích khác phát sinh theo hợp đồng số 236/2015/HDCN/PMG YEGA ngày 11/07/2015 vv chuyển nhượng hạ tầng tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, và toàn bộ nhà xưởng sản xuất đồ gỗ N, các công trình xây dựng trên đất thuộc một phần Lô đất CN-1 trong Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội. Theo Hợp đồng thể chấp tài sản hình thành trong tương lai số 55/2015/HĐTC TCĐL ngày 27/07/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/12/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Được nêu cụ thể, chi tiết tại Chứng thư giám định về số lượng và tình trạng số: 23N01-1A ngày 17/01/2024 của Công ty TNHH Giám định Thăng Long Control, cụ thể, kết quả thẩm định như sau:

- Nhà xưởng xây dựng trên đất: theo hợp đồng: 2.880 m²; thực đo: 2.661 m².

Loại: Khung thép và mái tôn (01 tầng).

Kích thước: 87,6 (m) x 30,38 (m) x 9,265 (m).

12 Cột + Dầm: (Rộng: 30 (m) x Cao: 09 (m).

- Khu nhà điều hành (bên trong nhà xưởng): Theo hợp đồng: 120m²; thực đo: 140 m².

Kích thước: 18 (m) x 7,8 (m) x 2,45 (m)

Loại: 02 tầng (Nhà khung lắp ghép - Sàn bê tông lắp ghép - trần thả thạch cao).

- Nhà bảo vệ bên ngoài nhà xưởng: 11.37m².

Kích thước: 4,34 (m) x 2,62 (m) x 2,67 (m)

Loại: 01 tầng – Mái bằng.

- Nhà vệ sinh bên ngoài (phía cuối nhà xưởng): 29,7m².

Kích thước: 9 (m) x 3,3 (m) x 3,3 (m).

Loại: Mái bằng – 01 tầng.

- Tường rào mặt trước nhà xưởng (Phía nam nhà xưởng) : 01 hệ thống

Kích thước tường rào + khung sắt: 21,2 (m) x 220 (mm) x 2,13 (m).

(Mô tả Hàng rào gồm có: Phía dưới xây tường cao 800 (mm) rộng 220 (mm)+

Hàng rào sắt phía trên cao 1,33 (m) hàng rào sắt hộp và bổ 05 trụ cột kích thước:

35 (cm) x 25 (cm) x 220 (cm).

Kích thước tường rào trước cổng (sát nhà máy liền kề bên): 3,6 (m) x 220 (mm) x 2,25 (m).

- Tường bao cạnh bên nhà xưởng (Phía tây và phía bắc) của nhà xưởng: 145,5m.

Kích thước: 145,5 (m) x 220 (mm) x 1,9 (m).

Loại: Tường ba banh xây nghiêng – Bổ 50 trụ cột kích thước: 35 (cm) x 35 (cm) x 1,9 (m).

- Điều hoà không khí 12.000 BTU (Funiki): 03 cái.

(Tầng 2 của tòa nhà điều hành 02 tầng trong nhà xưởng).

- Máng đèn tuýp đôi 1,2 (m) (phòng kho tầng 1): 04 cái.

- Quạt treo tường (phòng nghỉ và phòng kho tầng 1 của nhà xưởng 02 tầng): 03 cái.

- Tuýp đôi 1,2 m (nhà ăn tầng 1): 04 cái

- Máng đèn tuýp ba 0,6m x 0,6 m (nhà tầng 2): 08 cái.

- Tuýp đôi LED (phòng nghỉ tầng 1): 02 cái.

- Đèn tròn (hành lang tầng 2 nhà điều hành): 02 cái.

- Cột điện (đúc bằng gang) : 01 cái.

(phía sân sau nhà xưởng)

Kích thước: 8,225 (m)

- Máy bơm nước sinh hoạt: 01 cái.

- Sân và đường đi của nhà xưởng : 1683m².

- Tủ điện trong nhà xưởng: 04 cái.

- Trạm biến áp 25KVA: 01 bộ

- Bồn nước Inox- Tân Á loại 2000 (Lít): 02 m³.

- Hệ thống PCCC và bơm nước: 01 hệ thống.

Máy bơm nước: 7,5 (kW).

Bồn tích áp: 200 (l)

Hệ thống cảnh báo và chữa cháy.

Tủ điện điều khiển và bình chữa cháy.

Bể ngầm chứa nước: (*)

- Cổng xếp inox (chính) và cổng sắt (phụ): 01 bộ.

Kích thước cổng xếp inox: 9,5 (m) x 0,57 (m) x 1,54 (m).

Kích thước cổng sắt (phụ): 1,78 (m) x 2,15 (m).

- Cây bằng lăng : 01 cây.

Chu vi: 69 (cm)

- Cây sấu : 02 cây

Chu vi: 63 (cm) và 72 (cm).

- Cây bưởi : 03 cây.

Chu vi: 32 (cm), 40 (cm) và 36 (cm).

Đối với các tài sản thế chấp bị thiếu theo chứng thư giám định, Nguyên đơn đề nghị Bị đơn khắc phục bổ sung những máy còn thiếu để đảm bảo tính nguyên vẹn và giá trị của tài sản bảo đảm so với thời điểm nhận thế chấp.

Trường hợp bị đơn không bổ sung được, Nguyên đơn sẽ xử lý đối với các tài sản bảo đảm hiện có theo chứng thư (theo hiện trạng đã thẩm định), nếu xử lý toàn bộ các tài sản hiện có theo chứng thư không đủ để thu hồi nợ thì đề nghị bị đơn tiếp tục trả số nợ còn lại.

4. Đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N phải chịu 171.600.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định theo quy định tại điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự (số tiền này Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án quận Ba Đình theo thông phiếu thu ngày 15/01/2024 và phiếu thu 01/4/2024).

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N do ông Thạch Quang Thuật đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn xác nhận lời trình bày của công ty tài chính cổ phần Về các Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ, tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là đúng.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N đã thế chấp cho Công ty Cổ phần tài chính điện lực:

Toàn bộ dây chuyền sản xuất đồ gỗ nội thất theo hợp đồng kinh tế số 109/2013/HĐKT ngày 10/09/2013 Vv Mua bán dây chuyền máy sản xuất đồ gỗ nội thất ký giữa Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N và Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long F. Theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 54/2015/HĐTC-TCĐL ngày 27/07/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/07/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Tài sản hình thành trong tương lai là Hạ tầng tại khu công nghiệp, quyền khai thác lô đất, các quyền và lợi ích khác phát sinh theo hợp đồng số 236/2015/HDCN/PMG YEGA ngày 11/07/2015 vv chuyển nhượng hạ tầng tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, và toàn bộ nhà xưởng sản xuất đồ gỗ N, các công trình xây dựng trên đất thuộc một phần Lô đất CN-1 trong Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 55/2015/HĐTC TCĐL ngày 27/07/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/12/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Cuối năm 2021, nguyên đơn và bị đơn đã có buổi làm việc liên quan đến khoản nợ này. Bên bị đơn đã có những phương án và đề xuất việc trả nợ khoản vay trên bằng việc chuyển nhượng nhà máy cho đối tác để thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn và hai bên đã thống nhất số công nợ như sau:

Dư nợ gốc: 8.000.000.000 đồng.

Dư nợ lãi trong hạn: 866.111.250 đồng.

Tuy nhiên vì lý do khách quan nên không thực hiện được việc chuyển nhượng nhà máy.

Nay Công ty sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Công ty cổ phần Đư nợ gốc và lãi theo quy định.

Công ty đưa ra phương án trả nợ như sau:

Hiện tại Công ty chưa có khả năng trả nợ ngay cho nguyên đơn, Công ty đề nghị có thêm thời gian để các bên cùng nhau tìm đối tác để bán tài sản thế chấp trả nợ cho

Nguyên đơn.

Để có thể xử lý khoản nợ nhanh hơn, đề nghị Nguyên đơn khoan lại số tiền gốc và miễn giảm toàn bộ số tiền lãi cho bị đơn.

Đối với việc Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền chi phí thẩm định là 171.600.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu này theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn thừa nhận số nợ gốc 8.000.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định pháp luật. Bị đơn không đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu về chi phí thẩm định của Nguyên đơn, do quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng có tài sản thế chấp, không phải là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá nên không cần thiết phải thẩm định tài sản, mặt khác nguyên đơn đề nghị thẩm định thì nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Trường hợp Bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Nguyên đơn có quyền kê biên phát mại tài sản để thu hồi nợ.

Bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật, Nguyên đơn không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền:

Công ty Tài chính Cổ phần Đcó trụ sở tại tầng 14, 15 và 16 tháp B, tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Theo quy định tại điều 10.1 của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 17/2015/HĐTD-TH-DN/TCĐL ngày 27/07/2015 giữa Công ty Tài chính Cổ phần Đ(bên A) và Công ty Cổ phần thiết kế sản xuất N (Bên B), hai bên có thoả thuận: “.... Trong trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nơi có Trụ sở chính của Bên A”.

Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Ba Đình, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực.

Nhận thấy, Công ty Cổ phần Tài chính Đ(sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N (sau đây gọi là bị đơn) ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 17/2015/HĐTD-TH-DN/TCĐL ngày 27/07/2015 (sau đây gọi là Hợp đồng tín dụng).

Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn 23.000.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã trả được một số nợ gốc và lãi.

Tạm tính đến hết ngày 11/6/2024 bị đơn còn nợ nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 17/2015/HĐTD-TH-DN/TCĐL ngày 27/07/2015 và Khế ước nhận nợ số 17-10/2015/DN-KU/TCĐL; Khế ước nhận nợ số 17-11/2015/DN-KU/TCĐL; Khế ước nhận nợ số 17-12/2015/DN-KU/TCĐL; Khế ước nhận nợ số 17-13/2015/DN-KU/TCĐL; Khế ước nhận nợ số 17-14/2015/DN-KU/TCĐL; Khế ước nhận nợ số 17-15/2015/DN-KU/TCĐL; Khế ước nhận nợ số 17-16/2015/DN-KU/TCĐL; Khế ước nhận nợ số 17-17/2015/DN-KU/TCĐL; Khế ước nhận nợ số 17-18/2015/DN-KU/TCĐL; Khế ước nhận nợ số 17-19/2015/DN-KU/TCĐL, tổng số nợ là 11.550.632.709 đồng.

Trong đó, bao gồm:

- + Dư nợ gốc: 8.000.000.000 đồng;
- + Dư nợ lãi trong hạn: 694.767.472 đồng;
- + Dư nợ lãi quá hạn: 2.855.865.237 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn xác nhận còn nợ số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật, bị đơn đề nghị nguyên đơn khoan lại số tiền gốc và miễn giảm toàn bộ số tiền lãi cho bị đơn. Nguyên đơn không đồng ý với đề nghị của bị đơn.

Xét thấy, bị đơn không trả nợ cho Nguyên đơn theo đúng thời hạn ghi trong hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, vi phạm Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn đưa ra bảng kê chi tiết cách tính lãi và các thông báo lãi suất tiết kiệm của bốn Ngân hàng. Hội đồng xét xử đã kiểm tra, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó, bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền tạm tính đến hết ngày 11/6/2024 là: 11.550.632.709 đồng.

Trong đó, bao gồm:

- + Nợ gốc: 8.000.000.000 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 694.767.472 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn : 2.855.865.237 đồng.

Bị đơn phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo qui định tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2024 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.2]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Nguyên đơn:

Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là:

Dây chuyền sản xuất đồ gỗ nội thất theo hợp đồng kinh tế số 109/2013/HĐKT ngày 10/9/2013 v/v Mua bán dây chuyền máy sản xuất đồ gỗ nội thất ký giữa Công ty Cổ phần thiết kế sản xuất N và Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long F theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 54/2015/HĐTC-TCĐL ngày 27/07/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/07/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội,

(gồm 37 máy móc thiết bị) theo chứng thư giám định số 23N01-1A ngày 17/01/2024 của Công ty TNHH Giám định Thăng Long CONTROL.

Tài sản hình thành trong tương lai là Hạ tầng khu công nghiệp, quyền khai thác lô đất, các quyền và lợi ích khác phát sinh theo hợp đồng số 236/2015/HĐCNPMG-YEGA ngày 11/07/2015 v/v chuyển nhượng hạ tầng tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội và toàn bộ nhà xưởng sản xuất đồ gỗ N, các công trình xây dựng trên đất thuộc một phần Lô đất CN-1 trong Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 55/2015/HĐTC-TCĐL ngày 27/07/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/12/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội.

Theo chứng thư giám định số 23N01-1A ngày 17/01/2024 của Công ty TNHH Giám định Thăng Long CONTROL.

Xét thấy, các hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, hợp đồng được ký song phương và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp Bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Do tài sản thế chấp là Dây chuyền sản xuất đồ gỗ nội thất gồm nhiều loại máy móc thiết phức tạp và tài sản hình thành trong tương lai đa dạng, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã chỉ định Công ty TNHH Giám định Thăng Long Control là công ty thẩm định, giám định tài sản đối với toàn bộ tài sản thế chấp trong vụ án. Chi phí xem xét, thẩm định Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 171.600.000 đồng theo phiếu thu ngày 15/01/2024 và phiếu thu 01/4/2024 của Công ty TNHH Giám định Thăng Long CONTROL và của Tòa án nhân dân quận Ba Đình nay Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét, theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự thì Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 171.600.000 đồng chi phí thẩm định cho Nguyên đơn.

[3]. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư có một phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 119.550.633 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được nhận lại 59.400.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004506 ngày 02/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 158; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Cổ phần Đối với Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N phải trả nợ cho Công ty Tài chính Cổ phần Đổ tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 17/2015/HĐTD-TH-DN/TCĐL ngày 27/07/2015 cùng các Khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến hết ngày 11/6/2024 là: Tổng cộng: 11.550.632.709 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm linh chín đồng).

Trong đó, bao gồm:

- Nợ gốc: 8.000.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 694.767.472 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 2.855.865.237 đồng.

Kể từ ngày 12/6/2024 **cho đến khi thi hành án xong**, Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Công ty Tài chính Cổ phần Đcó quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ:

+ Toàn bộ dây chuyền sản xuất đồ gỗ nội thất theo hợp đồng kinh tế số 109/2013/HĐKT ngày 10/09/2013 V/v Mua bán dây chuyền máy sản xuất đồ gỗ nội thất ký giữa Công ty cổ phần thiết kế sản xuất N và Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long F. Theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 54/2015/HĐTC-TCĐL ngày 27/07/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/07/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Theo chứng thư giám định số 23N01-1A ngày 17/01/2024 của Công ty TNHH Giám định Thăng Long CONTROL.

Gồm 37 máy móc thiết bị, cụ thể:

1. Thiết bị đầu vào tự động: 02 bộ

Model: IDHF 2400.

S/N: (*)

2. Máy cắt tự động CNC: 02 bộ

Máy số 1:

Model: SHNR-2501-L.

S/N: 2010NRS03.

Máy số 2:

Model: SHNR-2501R.

S/N: 2010NRS11.

3. Máy nâng đầu vào: 02 bộ

Model: IDL 2400 (W700)

S/N1: (*)

S/N2: (*)

4. Máy đánh đai (02 cạnh) : 01 bộ.

Model: HD-2400D

S/N: 4004

5. Băng chuyền xoay 90° (băng cao su): 02 bộ

Model: (*)

S/N: (*)

6. Máy đánh đai (01 cạnh HD-330B): 02 bộ

Model: HD-330B

S/N1: 2125

S/N2: 2126

7. Máy đánh đai (01 cạnh - HD-330MB): 01 bộ

Model: HD-330MB

S/N: 2127

8. Máy khoan Panel (bên): 02 bộ

Model: HB-2007

S/N: (*)

9. Máy khoan đa năng: 01 bộ

Model: TH-152/5

S/N: WY-1003161

10. Bào soi CNC: 01 bộ

Model: BLITZ-1230AG-VC-G

S/N: 2010PTP01

11. Khoan bàn lễ 04 trục: 01 bộ

Model: HB-4K

S/N: 6000

12. Máy sơn cạnh: 01 bộ

Model: HEM 850

S/N: HEM-850-1

13. Buồng cách bụi (dùng trong xưởng): 01 bộ

Kích thước: 43,5 (m) x 7 (m) x 3,17 (m).

Loại: phòng sạch (Panel chống cháy)

14. Máy cắt ngang: 01 bộ

Model: (*)

S/N (*)

15. Máy cắt Makita LS 1013: 01 máy tại thời điểm thể chấp. (thực tế khi thẩm định không có ở nhà máy Công ty Cổ phần thiết kế sản xuất N)

16. Máy khoan 35 trục: 02 bộ

Model: UJ-35

S/N1: (*)

S/N2: (*)

17. Máy khoan (trục đơn): 01 bộ
Model: RDM -1603BN
S/N: 6004
18. Máy khoan (03 trục): 01 bộ
Model: RDM-1603BN
S/N: 6003
19. Máy khoan cạnh bên: 01 bộ
Model: BD-44
S/N: (*)
20. Máy kẹp Panel (bên): 01 bộ
Model: SH/SPP-1
S/N: 6005
21. Máy nâng đầu vào tự động: 02 bộ
Model: IDSR 2400
S/N: (*)
22. Máy nâng bàn: 01 máy tại thời điểm thế chấp (thực tế khi thẩm định không có ở nhà máy của Công ty Cổ phần thiết kế sản xuất N).
Model: IDL 1800
S/N: (*)
23. Máy bao gói: 01 bộ
Model: (*)
S/N: (*)
24. Xe nâng tay (2,5 tấn): 02 cái
Model: SWP 2500
S/N1: WPBAA0014
S/N2: WPAJK0013
25. Máy nén khí: 02 bộ
Model: GRH3-50A
S/N1: XXQ1132516
S/N2: XXQ1132515
26. Thiết bị hút bụi dùng trong nhà xưởng: 01 bộ
Model: WJ-A450
27. Máy bào rãnh: 03 bộ.
Model: HD-1000
S/N1: 6009
S/N2: 6008
S/N3: 6007
28. Băng tải vận chuyển hàng: 01 bộ.
29. Giá sấy khô (loại lớn): 20 cái. (thực tế khi thẩm định có 19 cái)
30. Giá sấy khô (loại nhỏ): 20 cái. (thực tế khi thẩm định có 14 cái)
31. Máy bọc PVC: 01 bộ
Model: (trống)
S/N: (trống)
32. Máy hút bụi 15HP: 01 bộ
Model: SF-SF

No:6

(Công suất: 15KW)

33. Máy đánh ráp (hình tam giác): 01 bộ

34. Máy bào soi bằng tay: 01 bộ

35. Cân điện tử 20kg: 01 chiếc tại thời điểm thể chấp (thực tế khi thẩm định không có ở nhà máy của Công ty Cổ phần thiết kế sản xuất N).

36. Máy bắn đinh: 01 cái

37. Máy mài mũi khoan: 01 cái

Model: C-40

S/N: S40109637

+ Tài sản hình thành trong tương lai là Hạ tầng tại khu công nghiệp, quyền khai thác lô đất, các quyền và lợi ích khác phát sinh theo hợp đồng số 236/2015/HDCN/PMG YEGA ngày 11/07/2015 vv chuyển nhượng hạ tầng tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, và toàn bộ nhà xưởng sản xuất đồ gỗ N, các công trình xây dựng trên đất thuộc một phần Lô đất CN-1 trong Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội. Theo Hợp đồng thể chấp tài sản hình thành trong tương lai số 55/2015/HĐTC-TCĐL ngày 27/07/2015. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/12/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Theo chứng thư giám định số 23N01-1A ngày 17/01/2024 của Công ty TNHH Giám định Thăng Long CONTROL. Gồm:

- Nhà xưởng xây dựng trên đất: theo hợp đồng : 2.880 m² ; thực đo: 2.661 m².

Loại: Khung thép và mái tôn (01 tầng).

Kích thước: 87,6 (m) x 30,38 (m) x 9,265 (m).

12 Cột + Dầm: (Rộng: 30 (m) x Cao: 09 (m).

- Khu nhà điều hành (bên trong nhà xưởng): Theo hợp đồng: 120m² ; thực đo : 140 m².

Kích thước: 18 (m) x 7,8 (m) x 2,45 (m)

Loại: 02 tầng (Nhà khung lắp ghép - Sàn bê tông lắp ghép - trần thả thạch cao.

- Nhà bảo vệ bên ngoài nhà xưởng : 11.37m².

Kích thước: 4,34 (m) x 2,62 (m) x 2,67 (m)

Loại: 01 tầng – Mái bằng.

- Nhà vệ sinh bên ngoài (phía cuối nhà xưởng): 29,7m².

Kích thước: 9 (m) x 3,3 (m) x 3,3 (m).

Loại: Mái bằng – 01 tầng.

- Tường rào mặt trước nhà xưởng (Phía nam nhà xưởng) : 01 hệ thống

Kích thước tường rào + khung sắt: 21,2 (m) x 220 (mm) x 2,13 (m).

(Mô tả Hàng rào gồm có: Phía dưới xây tường cao 800 (mm) rộng 220 (mm)+

Hàng rào sắt phía trên cao 1,33 (m) hàng rào sắt hộp và bố 05 trụ cột kích thước: 35 (cm) x 25 (cm) x 220 (cm).

Kích thước tường rào trước cổng (sát nhà máy liền kề bên): 3,6 (m) x 220 (mm) x 2,25 (m).

- Tường bao cạnh bên nhà xưởng (Phía tây và phía bắc) của nhà xưởng: 145,5m.

Kích thước: 145,5 (m) x 220 (mm) x 1,9 (m).

Loại: Tường ba banh xây nghiêng – Bố 50 trụ cột kích thước: 35 (cm) x 35 (cm) x 1,9 (m).

- Điều hoà không khí 12.000 BTU (Funiki): 03 cái.
(Tầng 2 của tòa nhà điều hành 02 tầng trong nhà xưởng)
- Máng đèn tuýp đôi 1,2 (m) (phòng kho tầng 1): 04 cái.
- Quạt treo tường (phòng nghỉ và phòng kho tầng 1 của nhà xưởng 02 tầng): 03 cái.
- Tuýp đôi 1,2 m (nhà ăn tầng 1): 04 cái
- Máng đèn tuýp ba 0,6m x 0,6 m (nhà tầng 2): 08 cái.
- Tuýp đôi LED (phòng nghỉ tầng 1): 02 cái.
- Đèn tròn (hành lang tầng 2 nhà điều hành): 02 cái.
- Cột điện (đúc bằng gang) : 01 cái.
(phía sân sau nhà xưởng)
- Kích thước: 8,225 (m)
- Máy bơm nước sinh hoạt: 01 cái.
- Sân và đường đi của nhà xưởng : 1683m².
- Tủ điện trong nhà xưởng: 04 cái.
- Trạm biến áp 25KVA: 01 bộ
- Bồn nước Inox- Tân Á loại 2000 (Lít): 02 m³.
- Hệ thống PCCC và bơm nước: 01 hệ thống.
- Máy bơm nước: 7,5 (kW).
- Bồn tích áp: 200 (l)
- Hệ thống cảnh báo và chữa cháy.
- Tủ điện điều khiển và bình chữa cháy.
- Bể ngầm chứa nước: (*)
- Cổng xếp inox (chính) và cổng sắt (phụ): 01 bộ.
- Kích thước cổng xếp inox: 9,5 (m) x 0,57 (m) x 1,54 (m).
- Kích thước cổng sắt (phụ): 1,78 (m) x 2,15 (m).
- Cây bằng lăng : 01 cây.
- Chu vi: 69 (cm)
- Cây sấu : 02 cây
- Chu vi: 63 (cm) và 72 (cm).
- Cây bời : 03 cây.
- Chu vi: 32 (cm), 40 (cm) và 36 (cm).

Khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N phải có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo yêu cầu của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N đối với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Tài chính Cổ phần Đ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ. Nếu có dư Công ty Tài chính Cổ phần Đ sẽ trả lại cho Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định: Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N phải thanh toán trả cho Công ty Tài chính Cổ phần Đ tiền chi phí, xem xét, thẩm định: 171.600.000 đồng.

5. Về án phí: Công ty Cổ phần Thiết kế Sản xuất N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 119.550.633 đồng.

Công ty Tài chính Cổ phần Đ không phải chịu án phí, được nhận lại 59.400.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004506 ngày 02/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)